

Số: /KH-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2023

KẾ HOẠCH

Tổ chức việc kê khai, bàn giao, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập hằng năm, bổ sung trong các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của chính quyền địa phương tỉnh Bắc Ninh năm 2023

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;

Căn cứ Văn bản số 2767/TTCP-C.IV ngày 14/11/2023 của Thanh tra Chính phủ về việc định hướng xác minh tài sản, thu nhập năm 2024,

Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh ban hành Kế hoạch Tổ chức việc kê khai, bàn giao, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập hằng năm, bổ sung trong các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của chính quyền địa phương tỉnh Bắc Ninh năm 2023 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tiếp tục quán triệt, phổ biến sâu rộng, thống nhất các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng (PCTN) và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị thuộc Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh; các phòng, ban, cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của chính quyền cấp huyện; các doanh nghiệp có vốn Nhà nước thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi tắt là các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị, doanh nghiệp).

- Triển khai đồng bộ, thống nhất việc kê khai tài sản, thu nhập hằng năm, bổ sung trong các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị, doanh nghiệp. Nâng cao hơn nữa nhận thức, trách nhiệm của lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức, công nhân viên các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị, doanh nghiệp trong việc kê khai, công khai, kiểm soát tài sản, thu nhập.

2. Yêu cầu

- Xác định cụ thể nội dung nhiệm vụ, đối tượng, thời gian, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị để triển khai thực hiện nghiêm, hiệu quả các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định của Luật PCTN và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

- Trong quá trình tổ chức thực hiện phải có sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất giữa các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị, doanh nghiệp với các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập trong việc tuyên truyền, phổ biến, tổ chức thực hiện kê khai, bàn giao, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập theo đúng quy định.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Về quán triệt, phổ biến quy định của Luật PCTN và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ

Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị, doanh nghiệp tổ chức quán triệt, phổ biến sâu rộng các quy định về kê khai, công khai, kiểm soát tài sản, thu nhập của Luật PCTN; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ và Văn bản số 368/TTr-NV4 ngày 22/5/2023, Văn bản số 703/TTr-NV4 ngày 15/9/2023 của Thanh tra tỉnh.

2. Tổ chức việc kê khai, công khai tài sản, thu nhập

2.1. Xây dựng kế hoạch

Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị, doanh nghiệp phải xây dựng kế hoạch để thực hiện việc kê khai, bàn giao, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập hằng năm, kê khai tài sản, thu nhập bổ sung theo quy định của Luật PCTN và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

2.2. Nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập

- Người có nghĩa vụ kê khai phải kê khai tài sản, thu nhập và biến động về tài sản, thu nhập của mình, của vợ hoặc chồng, con chưa thành niên.

- Người có nghĩa vụ kê khai phải kê khai trung thực về tài sản, thu nhập, giải trình trung thực về nguồn gốc của tài sản tăng thêm, thu nhập tăng thêm theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật PCTN và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kê khai tài sản, thu nhập (Khoản 4 Điều 3 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP quy định: “**4. Giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm là việc người có nghĩa vụ kê khai tự giải thích, chứng minh về việc hình thành tài sản, thu nhập tăng thêm so với lần kê khai liền trước đó.**”).

2.3. Người phải kê khai tài sản, thu nhập

Người phải kê khai tài sản, thu nhập theo Kế hoạch này gồm:

2.3.1. Người có nghĩa vụ kê khai hằng năm:

- Những người giữ chức vụ từ Giám đốc sở và tương đương trở lên;
- Những người có nghĩa vụ kê khai (theo Điều 34 của Luật PCTN) không phải là Giám đốc sở và tương đương trở lên được Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị xác định, lập danh sách theo quy định tại Điều 10 của Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

2.3.2. Người có nghĩa vụ kê khai bổ sung:

Những người có nghĩa vụ kê khai (theo Điều 34 của Luật PCTN) không thuộc diện phải kê khai hằng năm (nêu tại Mục 2.3.1) phải thực hiện kê khai bổ sung khi có biến động (tăng hoặc giảm) về tài sản, có thu nhập trong năm (của mình và vợ hoặc chồng, con chưa thành niên) có giá trị từ 300 triệu đồng trở lên.

2.3.3. Kế khai tài sản, thu nhập lần đầu và kế khai phục vụ công tác cán bộ được thực hiện thường xuyên trong năm; không thuộc đối tượng phải thực hiện trong Kế hoạch này.

2.4. Mẫu bản kê khai tài sản, thu nhập

- Việc kê khai hằng năm được thực hiện theo Mẫu bản kê khai và Hướng dẫn việc kê khai tại Phụ lục I được ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

- Việc kê khai bổ sung được thực hiện theo Mẫu bản kê khai và hướng dẫn việc kê khai bổ sung tại Phụ lục II được ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

Lưu ý: Người có nghĩa vụ kê khai phải đọc hết từng từ trong 32 chú thích và phần Ví dụ kê khai tại Phụ lục I Nghị định số 130/2020/NĐ-CP và một số lưu ý được nêu tại Văn bản số 368/TTr-NV4 ngày 22/5/2023 của Thanh tra tỉnh (được đăng tải tại địa chỉ <https://ttr.bacninh.gov.vn/>) trước khi tiến hành kê khai.

2.5. Tổ chức việc kê khai tài sản, thu nhập

- Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai tổ chức việc kê khai tài sản, thu nhập như sau:

+ Lập các danh sách người có nghĩa vụ kê khai và gửi cho Thủ trưởng cơ quan cấp trên để tổng hợp (*có mẫu Danh sách kèm theo*); Giám đốc các sở, ngành, đơn vị, doanh nghiệp thuộc tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện gửi Danh sách đã tổng hợp về các Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có thẩm quyền (*chi tiết được nêu tại Mục 2.7*) trước ngày **30/12/2023**;

+ Hướng dẫn việc kê khai tài sản, thu nhập cho người có nghĩa vụ kê khai;

+ Lập sổ theo dõi kê khai, giao, nhận bản kê khai (gồm các thông tin: ngày tháng tiếp nhận, người kê khai, loại bản kê khai, số trang bản kê khai, người kê khai ký, người tiếp nhận ký, ghi chú).

- Người kê khai thực hiện kê khai theo mẫu, phải ký ở từng trang và ký, ghi rõ họ tên ở trang cuối cùng của bản kê khai. Người kê khai phải lập 02 bản kê khai để bàn giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý mình (01 bản bàn giao cho Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập, 01 bản để phục vụ công tác quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị và hoạt động công khai bản kê khai).

- Người của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý người có nghĩa vụ kê khai khi tiếp nhận bản kê khai phải kiểm tra tính đầy đủ của các nội dung phải kê khai; Sau đó ký và ghi rõ họ tên, ngày tháng năm nhận bản kê khai. Trường hợp người kê khai là lãnh đạo HĐND, lãnh đạo UBND các cấp thì giao cho Chánh Văn phòng cơ quan hoặc tương đương tiếp nhận. Trường hợp bản kê khai của Thủ trưởng thì cấp phó hoặc cán bộ được giao nhiệm vụ tiếp nhận ký và ghi rõ họ tên, ngày tháng năm nhận bản kê khai. Người tiếp nhận ghi vào Sổ theo dõi giao nhận bản kê khai và cùng với người kê khai ký xác nhận.

2.6. Tiếp nhận, quản lý, bàn giao bản kê khai tài sản, thu nhập

Việc tiếp nhận, quản lý, bàn giao bản kê khai tài sản, thu nhập được thực hiện theo quy định tại Điều 38 của Luật PCTN:

- Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý bản kê khai hoặc phân công cán bộ tiếp nhận, quản lý bản kê khai.

- Trường hợp bản kê khai không đúng theo mẫu hoặc không đầy đủ về nội dung thì người tiếp nhận yêu cầu kê khai bổ sung hoặc kê khai lại. Thời hạn kê khai bổ sung hoặc kê khai lại là 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, trừ trường hợp có lý do chính đáng.

Lưu ý: Thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai phải chịu trách nhiệm trước pháp luật (theo Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP) nếu để cán bộ khi tiếp nhận bản kê khai không kiểm tra tính đầy đủ của các nội dung phải kê khai hoặc có kiểm tra nhưng vẫn tiếp nhận bản kê khai không đầy đủ nội dung phải kê khai.

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị, doanh nghiệp giao cho 01 đơn vị làm đầu mối tiếp nhận, bàn giao bản kê khai của các cơ quan, đơn vị trực thuộc. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày tiếp nhận bản kê khai, cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai có trách nhiệm rà soát, kiểm tra bản kê khai và bàn giao 01 bản kê khai (thông qua đơn vị đầu mối) cho Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có thẩm quyền.

2.7. Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có thẩm quyền

2.7.1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương kiểm soát tài sản, thu nhập của những người thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

2.7.2. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy kiểm soát tài sản, thu nhập của những người thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và những người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập công tác trong các cơ quan đảng của tỉnh, trừ trường hợp Ủy ban Kiểm tra Trung ương kiểm soát.

2.7.3. Ủy ban Kiểm tra huyện ủy, thị ủy, thành ủy kiểm soát tài sản, thu nhập của những người thuộc diện Ban Thường vụ huyện ủy, thị ủy, thành ủy quản lý (kể cả Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng các Trường Trung học cơ sở, Tiểu học, Mầm non) và những người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập công tác trong các cơ quan đảng của cấp huyện, cấp xã, trừ trường hợp Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy kiểm soát.

2.7.4. Thanh tra tỉnh kiểm soát tài sản, thu nhập của những người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của chính quyền địa phương, trừ trường hợp Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra huyện ủy, thị ủy, thành ủy quản lý. Cụ thể như sau:

- Người có trách nhiệm kê khai thuộc các Sở, Văn phòng UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Ban quản lý an toàn thực phẩm, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Viện nghiên cứu phát triển kinh tế xã hội, Trung tâm Hành chính công; Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, Ban Pháp chế, Ban Văn hóa Xã hội, Ban Kinh tế Ngân sách HĐND tỉnh; Liên minh

Hợp tác xã tỉnh, Hội văn học nghệ thuật tỉnh, Hội Nhà báo tỉnh, Hội Chữ thập đỏ tỉnh gồm: Trưởng, phó các phòng, công chức; Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng, trưởng, phó các phòng, bộ phận trong đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc;

- Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập thuộc các cơ quan: Quỹ phát triển đất tỉnh, Quỹ đầu tư phát triển tỉnh, Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Bắc Đuống, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Nam Đuống, Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Bắc Ninh, Trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh, Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

- Công chức thuộc Văn phòng HĐND&UBND cấp huyện, các phòng thuộc UBND cấp huyện, Trung tâm Hành chính công cấp huyện, các Ban thuộc HĐND cấp huyện; Trưởng, phó các phòng thuộc đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện (Ban quản lý dự án xây dựng, Trung tâm dịch vụ nông nghiệp, Ban quản lý chợ, Đội quản lý trật tự đô thị, Trung tâm phát triển quỹ đất, Trung tâm Văn hóa, thể thao và truyền thông);

- Công chức thuộc UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

2.8. Việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập

Sau khi bàn giao 01 bản kê khai cho Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có thẩm quyền, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai tổ chức công khai bản kê khai tài sản, thu nhập. Việc công khai thực hiện theo quy định tại Điều 39 của Luật PCTN và Điều 11 của Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

2.9. Thời điểm hoàn thành kê khai, bàn giao, công khai

- Việc kê khai phải hoàn thành chậm nhất ngày **30/12/2023** (kể cả trường hợp phải kê khai bổ sung hoặc kê khai lại).

- Việc bàn giao bản kê khai cho Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có thẩm quyền phải hoàn thành trước **20/01/2024**.

- Trong vòng **05 ngày** kể từ ngày bàn giao bản kê khai cho Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập, các cơ quan, tổ chức, đơn vị bắt đầu tổ chức công khai bản kê khai tài sản, thu nhập.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị, doanh nghiệp xây dựng kế hoạch chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc thực hiện các nội dung theo Kế hoạch này bảo đảm kịp thời, thống nhất, hiệu quả. Tổng hợp, báo cáo công tác triển khai, tuyên truyền phổ biến, kết quả tổ chức kê khai, công khai về Thanh tra tỉnh chậm nhất ngày **20/02/2024** (có mẫu Báo cáo kèm theo).

2. Sở Tư pháp tiếp tục chỉ đạo tuyên truyền, phổ biến các quy định về kê khai, công khai, kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định của Luật PCTN và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

3. Sở Thông tin và Truyền thông tiếp tục chỉ đạo tuyên truyền, phổ biến các quy định về kê khai, công khai, kiểm soát tài sản, thu nhập thông qua hoạt động báo chí, xuất bản; trên các phương tiện thông tin đại chúng và hệ thống

thông tin cơ sở; qua các mạng, dịch vụ viễn thông và các phương tiện, thiết bị thông tin - truyền thông.

4. Đài Phát thanh và Truyền hình Bắc Ninh, Báo Bắc Ninh phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng nội dung, chương trình phát thanh, truyền hình, phát sóng, đưa tin, bài tuyên truyền, phổ biến pháp luật về kê khai, công khai, kiểm soát tài sản, thu nhập.

5. Thanh tra tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra các huyện ủy, thị ủy, thành ủy thực hiện theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn (khi có yêu cầu) các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị, doanh nghiệp xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện công tác kê khai, công khai, kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định. Tổng hợp kết quả thực hiện chung toàn tỉnh, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch Tổ chức việc kê khai, bàn giao, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập hằng năm, bổ sung trong các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của chính quyền địa phương tỉnh Bắc Ninh năm 2023; yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Chính phủ (b/c);
- Cục I, Cục IV - Thanh tra Chính phủ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra, Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Các đơn vị, tổ chức thuộc UBND tỉnh;
- Các Hội đặc thù tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy, UBKT Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các doanh nghiệp có vốn Nhà nước thuộc tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hương Giang

Phụ lục 01
MẪU DANH SÁCH KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HẰNG NĂM (Năm 2023)

Đơn vị:

STT	Họ tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Loại bản kê khai	Số trang bản kê khai	Ghi chú
1			Hàng năm		
2			Hàng năm		
...			Hàng năm		

Phụ lục 02
MẪU DANH SÁCH KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP BỔ SUNG (Năm 2023)

Đơn vị:

STT	Họ tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Loại bản kê khai	Số trang bản kê khai	Ghi chú
1			Bổ sung		
2			Bổ sung		
...			Bổ sung		

	- Số bản bàn giao cho Thanh tra tỉnh	Bản	
	- Số bản bàn giao cho UBKT huyện ủy, thành ủy	Bản	
	- Số bản bàn giao cho Cơ quan khác (UBKTTW...)	Bản	
3	Bản giao bản kê khai hằng năm. Trong đó:	Bản	
	- Số bản bàn giao cho UBKT Tỉnh ủy	Bản	
	- Số bản bàn giao cho Thanh tra tỉnh	Bản	
	- Số bản bàn giao cho UBKT huyện ủy, thành ủy	Bản	
	- Số bản bàn giao cho Cơ quan khác (UBKTTW...)	Bản	
III	Công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập hằng năm, bổ sung		
1	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã tổ chức thực hiện việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập.	CQTCĐV	
	Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị.	%	
2	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa thực hiện hoặc chưa được tổng hợp kết quả trong báo cáo này	CQTCĐV	
	Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị	%	
3	Số bản kê khai đã được công khai	Bản kê khai	
	Tỷ lệ % so với tổng số bản kê khai	%	
	Số bản kê khai đã công khai theo hình thức niêm yết	Bản kê khai	
	Tỷ lệ % so với số bản kê khai đã công khai	%	
4	Trong đó:		
	- Số bản bàn giao cho UBKT Tỉnh ủy đã công khai theo hình thức niêm yết		
	- Số bản bàn giao cho Thanh tra tỉnh đã công khai theo hình thức niêm yết		
	- Số bản bàn giao cho UBKT huyện ủy, thành ủy đã công khai theo hình thức niêm yết		
	- Số bản bàn giao cho Cơ quan khác (UBKTTW...) đã công khai theo hình thức niêm yết		
5	Số bản kê khai đã công khai theo hình thức công bố tại cuộc họp (Lưu ý: nếu công khai cả 2 hình thức, thì không đưa vào báo cáo số liệu công khai tại cuộc họp)	Bản kê khai	
	Tỷ lệ % so với số bản kê khai đã công khai	%	
	Trong đó:		
	- Số bản bàn giao cho UBKT Tỉnh ủy đã công khai theo hình thức công bố tại cuộc họp		
	- Số bản bàn giao cho Thanh tra tỉnh đã công khai theo hình thức công bố tại cuộc họp		
	- Số bản bàn giao cho UBKT huyện ủy, thành ủy đã công khai theo hình thức công bố tại cuộc họp		
	- Số bản bàn giao cho Cơ quan khác (UBKTTW...) đã công khai theo hình thức công bố tại cuộc họp		

2.2. Kết quả kê khai, công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập đối với người có nghĩa vụ kê khai lần đầu theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 36 Luật PCTN (đã thực hiện trong năm từ 01/01/2023 đến 31/12/2023), cụ thể theo bảng dưới đây:

TT	NỘI DUNG	ĐV	SỐ LIỆU
I	Kê khai tài sản, thu nhập lần đầu		

1	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã tổ chức thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập lần đầu trong năm (theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 36 Luật PCTN).	CQTCĐV	
	Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị	%	
2	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa thực hiện hoặc chưa được tổng hợp kết quả trong báo cáo này.	CQTCĐV	
	Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị	%	
3	Số người phải kê khai tài sản, thu nhập lần đầu trong năm	Người (bản)	
4	Số người đã kê khai tài sản, thu nhập lần đầu trong năm	Người (bản)	
II	Bàn giao bản kê khai tài sản, thu nhập lần đầu		
1	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã thực hiện việc bàn giao bản kê khai tài sản, thu nhập lần đầu trong năm.	CQTCĐV	
	Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã tổ chức kê khai tài sản, thu nhập lần đầu trong năm.	%	
2	Bàn giao bản kê khai lần đầu trong năm. Trong đó:	Bản	
	- Số bản bàn giao cho UBKT Tỉnh ủy	Bản	
	- Số bản bàn giao cho Thanh tra tỉnh	Bản	
	- Số bản bàn giao cho UBKT huyện ủy, thành ủy	Bản	
	- Số bản bàn giao cho Cơ quan khác (UBKTTW...)	Bản	
III	Công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập lần đầu		
1	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã tổ chức thực hiện việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập lần đầu.	CQTCĐV	
	Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị.	%	
2	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa thực hiện hoặc chưa được tổng hợp kết quả trong báo cáo này	CQTCĐV	
	Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị	%	
3	Số bản kê khai đã được công khai	Bản kê khai	
	Tỷ lệ % so với tổng số bản kê khai	%	
4	Số bản kê khai đã công khai theo hình thức niêm yết	Bản kê khai	
	Tỷ lệ % so với số bản kê khai đã công khai	%	
	Trong đó:		
	- Số bản bàn giao cho UBKT Tỉnh ủy đã công khai theo hình thức niêm yết		
	- Số bản bàn giao cho Thanh tra tỉnh đã công khai theo hình thức niêm yết		
	- Số bản bàn giao cho UBKT huyện ủy, thành ủy đã công khai theo hình thức niêm yết		
	- Số bản bàn giao cho Cơ quan khác (UBKTTW...) đã công khai theo hình thức niêm yết		
5	Số bản kê khai đã công khai theo hình thức công bố tại cuộc họp (<i>Lưu ý:</i> Nếu công khai cả 2 hình thức, thì không đưa vào báo cáo số liệu công khai tại cuộc họp)	Bản kê khai	
	Tỷ lệ % so với số bản kê khai đã công khai	%	
	Trong đó:		
	- Số bản bàn giao cho UBKT Tỉnh ủy đã công khai theo hình thức công bố tại cuộc họp		
	- Số bản bàn giao cho Thanh tra tỉnh đã công khai theo hình thức công bố tại cuộc họp		
	- Số bản bàn giao cho UBKT huyện ủy, thành ủy đã công		

	khai theo hình thức công bố tại cuộc họp		
	- Số bản bàn giao cho Cơ quan khác (UBKTTW...) đã công khai theo hình thức công bố tại cuộc họp		

2.3. Kết quả kê khai, công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập đối với người có nghĩa vụ kê khai phục vụ công tác cán bộ theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 36 Luật PCTN (đã thực hiện trong năm từ 01/01/2023 đến 31/12/2023), cụ thể theo bảng dưới đây:

TT	NỘI DUNG	ĐV	SỐ LIỆU
I	Kê khai tài sản, thu nhập phục vụ công tác cán bộ		
1	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã tổ chức thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập phục vụ công tác cán bộ trong năm (theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 36 Luật PCTN). (<i>Lưu ý:</i> Kê khai phục vụ công tác cán bộ gồm các trường hợp sau đây: dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác).	CQTCĐV	
	Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị	%	
2	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa thực hiện hoặc chưa được tổng hợp kết quả trong báo cáo này.	CQTCĐV	
	Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị	%	
3	Số người phải kê khai tài sản, thu nhập phục vụ công tác cán bộ trong năm	Người	
4	Số người đã kê khai tài sản, thu nhập phục vụ công tác cán bộ trong năm	Người	
5	Số bản kê khai tài sản, thu nhập phục vụ công tác cán bộ được kê khai trong năm (<i>Lưu ý:</i> Có trường hợp 01 người kê khai hơn 01 trong năm)	Bản	
II	Bàn giao bản kê khai tài sản, thu nhập phục vụ công tác cán bộ		
1	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã thực hiện việc bàn giao bản kê khai tài sản, thu nhập phục vụ công tác cán bộ trong năm.	CQTCĐV	
	Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã tổ chức kê khai tài sản, thu nhập phục vụ công tác cán bộ trong năm.	%	
2	Bàn giao bản kê khai phục vụ công tác cán bộ trong năm. Trong đó:	Bản	
	- Số bản bàn giao cho UBKT Tỉnh ủy	Bản	
	- Số bản bàn giao cho Thanh tra tỉnh	Bản	
	- Số bản bàn giao cho UBKT huyện ủy, thành ủy	Bản	
	- Số bản bàn giao cho Cơ quan khác (UBKTTW...)	Bản	
III	Công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập phục vụ công tác cán bộ		
1	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã tổ chức thực hiện việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập phục vụ công tác cán bộ.	CQTCĐV	
	Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị.	%	
2	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa thực hiện hoặc chưa được tổng hợp kết quả trong báo cáo này	CQTCĐV	
	Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị	%	
3	Số bản kê khai đã được công khai	Bản kê khai	

	Tỷ lệ % so với tổng số bản kê khai	%	
4	Số bản kê khai đã công khai theo hình thức niêm yết	Bản kê khai	
	Tỷ lệ % so với số bản kê khai đã công khai	%	
	Trong đó:		
	- Số bản bàn giao cho UBKT Tỉnh ủy đã công khai theo hình thức niêm yết		
	- Số bản bàn giao cho Thanh tra tỉnh đã công khai theo hình thức niêm yết		
	- Số bản bàn giao cho UBKT huyện ủy, thành ủy đã công khai theo hình thức niêm yết		
	- Số bản bàn giao cho Cơ quan khác (UBKTTW...) đã công khai theo hình thức niêm yết		
5	Số bản kê khai đã công khai theo hình thức công bố tại cuộc họp (<i>Lưu ý:</i> Nếu công khai cả 2 hình thức, thì không đưa vào báo cáo số liệu công khai tại cuộc họp)	Bản kê khai	
	Tỷ lệ % so với số bản kê khai đã công khai	%	
	Trong đó:		
	- Số bản bàn giao cho UBKT Tỉnh ủy đã công khai theo hình thức công bố tại cuộc họp		
	- Số bản bàn giao cho Thanh tra tỉnh đã công khai theo hình thức công bố tại cuộc họp		
	- Số bản bàn giao cho UBKT huyện ủy, thành ủy đã công khai theo hình thức công bố tại cuộc họp		
	- Số bản bàn giao cho Cơ quan khác (UBKTTW...) đã công khai theo hình thức công bố tại cuộc họp		

- Kết quả khác (nếu có).

3. Đánh giá chung và kiến nghị

- Thuận lợi, khó khăn, vướng mắc khi triển khai thực hiện; giải pháp đề chủ động hoặc đề xuất giải pháp khắc phục khó khăn, vướng mắc.
- Những nội dung quy định cần hướng dẫn cụ thể hơn.
- Các kiến nghị khác./.

Nơi nhận:

**Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị
Ký tên, đóng dấu**

DANH SÁCH
ĐƠN VỊ LÀ ĐẦU MỐI TRIỂN KHAI, BÁO CÁO KÊ KHAI TSTN
NĂM 2023

STT	Cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp (Theo khoản 2 Điều 30 Luật PCTN 2018)	Ghi chú/Địa chỉ
I	Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	
1	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh
2	Ban kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh	
3	Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh	
4	Ban Pháp chế HĐND tỉnh	
II	Các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh	
1	Văn phòng UBND tỉnh	
2	Sở Nội vụ	Là đầu mối thu bản kê khai của các Hội đặc thù tỉnh (Liên minh HTX, Hội Chữ thập đỏ, Hội VHNT, Hội Nhà báo)
3	Sở Tư pháp	
4	Sở Thông tin - Truyền thông	
5	Sở Tài chính	
6	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
8	Sở Xây dựng	
9	Sở Y tế	
10	Sở Công thương	
11	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
12	Sở Giao thông - Vận tải	
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	
14	Ban Quản lý các khu công nghiệp	
15	Sở Khoa học và Công nghệ	
16	Sở Tài nguyên và Môi trường	
17	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
18	Thanh tra tỉnh	
19	Viện nghiên cứu phát triển KT-XH	
20	Trung tâm hành chính công tỉnh	
21	Ban Quản lý an toàn thực phẩm tỉnh	
22	Ban Quản lý phát triển khu vực đô thị	
23	Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh	
24	Quỹ Phát triển đất tỉnh	
25	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	
III	Các huyện, thành phố	
1	UBND huyện Gia Bình	
2	UBND huyện Lương Tài	
3	UBND huyện Quế Võ	
4	UBND huyện Thuận Thành	
5	UBND huyện Yên Phong	
6	UBND huyện Tiên Du	
7	UBND Thành phố Từ Sơn	
8	UBND Thành phố Bắc Ninh	
IV	Doanh nghiệp có vốn Nhà nước thuộc tỉnh	
1	Công ty TNHH một thành viên khai thác công	Thị Trấn Hồ - huyện Thuận

	trình thủy lợi Nam Đuống	Thành - tỉnh Bắc Ninh
2	Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi Bắc Đuống	Phường Đình Bảng - thành phố Từ Sơn - tỉnh Bắc Ninh
3	Công ty TNHH một thành viên xô số kiến thiết Bắc Ninh	Số 27 Nguyễn Đăng Đạo - phường Suối Hoa - thành phố Bắc Ninh - tỉnh Bắc Ninh
4	Công ty cổ phần môi trường và công trình đô thị Bắc Ninh	Số 4 Nguyễn Đăng Đạo - phường Tiên An - thành phố Bắc Ninh - tỉnh Bắc Ninh
5	Công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh	Số 57 Ngô Gia Tự - phường Thị Cầu - thành phố Bắc Ninh - tỉnh Bắc Ninh
6	Công ty cổ phần thoát nước và xử lý nước thải Bắc Ninh	Số 85 đường Âu Cơ - phường Kinh Bắc - TP Bắc Ninh - tỉnh Bắc Ninh
7	Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp Bắc Ninh	Đường Nguyễn Văn Cừ - phường Ninh Xá - thành phố Bắc Ninh - tỉnh Bắc Ninh
8	Công ty cổ phần đường bộ Bắc Ninh	Số 55 Ngô Gia Tự - phường Thị Cầu - thành phố Bắc Ninh - tỉnh Bắc Ninh
V	Đơn vị khác	
1	Trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh	Phường Khắc Niệm - thành phố Bắc Ninh - tỉnh Bắc Ninh